BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH

HÌNH THÀNH KĨ NĂNG DẠY HỌC CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ - TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

***Chuyên ngành*: Lí luận và phương pháp dạy học lịch sử**
***Mã số*: 62.14.01.11**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

HÀ NỘI - 2017

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI KHOA LỊCH SỬ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS. TS. Trịnh Đình Tùng**

2. PGS. TS. Nguyễn Thị Thế Bình

Phản biện 1: **PGS. TS Trần Đức Minh**

Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định

Phản biện 2: **PGS. TS Nguyễn Đình Lê**

Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn – ĐHQG Hà Nội

Phản biện 3: **PGS. TS Nguyễn Thành Nhân**

Trường Đại học Sư phạm Huế

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Trường

họp tại: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Vào hồi……ngày……tháng……năm 2017

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện trường Đại học Sư phạm Hà Nội

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ

1. **Nguyễn Thị Phương Thanh (2012*):*** *Sử dụng hiệu quả phòng rèn luyện nghiệp vụ bộ môn để hình thành năng lực tổ chức hoạt động dạy học cho sinh viên khoa Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, Tạp chí giáo dục số đặc biệt 4/2012, Trang 135-136, 110
2. **Nguyễn Thị Phương Thanh (2012):** *Một số biện pháp nâng cao năng lực dạy học cho sinh viên ngành sư phạm Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, Kỉ yếu hội thảo khoa học quốc gia về dạy học lịch sử ở trường phổ thông Việt Nam, Trang 812 - 819
3. **Nguyễn Văn Ninh, Nguyễn Thị Phương Thanh (2014):** *Vai trò của giảng viên đối với việc hình thành và phát triển năng lực dạy học cho sinh viên khoa Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, Tạp chí giáo dục, số đặc biệt tháng 11/2014, Trang 140 – 142, 123
4. **Nguyễn Thị Phương Thanh (1/2014):** Tài liệu hội thảo đào tạo nghiệp vụ sư phạm ở Trường Đại học sư phạm Hà Nội, *Một số biện pháp nâng cao chất lượng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên khoa Lịch sử - Trường Đại học sư phạm Hà Nội*, Trang 121 - 126
5. **Nguyễn Thị Phương Thanh (12/2015):** *Rèn luyện năng lực dạy học của sinh viên khoa Lịch sử - Trường Đại học sư phạm Hà Nội qua các hoạt động thực hành nghiệp vụ sư phạm*, Tạp chí giáo dục số đặc biệt tháng 12/2015, Trang 107-109, 112
6. **Nguyễn Thị Phương Thanh (4/2016):** *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho SV khoa Lịch sử - Trường Đại học sư phạm Hà Nội trong dạy học lịch sử Việt Nam giai đoạn 1954 – 1975*. Tạp chí Giáo dục số đặc biệt tháng 4/2016, Trang 86 - 89
7. **Nguyễn Thị Thế Bình, Nguyễn Thị Phương Thanh (2016):** *Phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ngành sư phạm lịch sử trước yêu cầu đổi mới* , Tạp chí giáo dục số 386 (kì 2, 7/2016), Trang 36 – 39, 26.
8. **Nguyễn Thị Phương Thanh (2016):** *Về kĩ năng dạy học của người giáo viên Lịch sử hiện nay ở trường phổ thông*, Trang 192-207, Kỉ yếu Hội thảo khoa học "*Nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử trong bối cảnh hiện nay*", Mã ISBN: 978-604-901-663-9

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

1.1. Triết lý về giáo dục cho thế kỉ XXI đã có những biến đổi sâu sắc theo hướng đặt học sinh (HS) vào vị trí trung tâm của nhà trường và chú trọng hình thành năng lực. Điều đó dẫn đến những thay đổi căn bản và toàn diện vai trò của người giáo viên (GV): không chỉ là người cung cấp thông tin, truyền đạt kiến thức, GV phải trở thành những chuyên gia về giáo dục, là người nhạc trưởng tổ chức, hướng dẫn, tạo hứng thú học tập cho HS. Bên cạnh đó, lao động sư phạm của GV là một hoạt động đặc thù, vừa đòi hỏi tính khoa học, vừa đòi hỏi tính sáng tạo, nghệ thuật...Để đáp ứng được những thay đổi đó, công tác đào tạo giáo viên (ĐTGV) nói chung và đào tạo nghiệp vụ sư phạm (NVSP) nói riêng phải có những đổi mới mạnh mẽ theo hướng hình thành năng lực nghề nghiệp cho GV tương lai, để giúp họ trở thành *Nhà Giáo dục, Nhà Văn hóa, Nhà nghiên cứu* và *Người học.* Vì vậy, đổi mới ĐTGV đang nhận được sự quan tâm của rất nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Đào tạo theo năng lực, theo chuẩn đầu ra đang trở thành xu thế chung trong các chương trình cải cách ĐTGV của các nước có nền giáo dục tiên tiến.

1.2. Ở Việt Nam, công tác ĐTGV, đào tạo NVSP của các trường sư phạm nói chung và Trường ĐHSP Hà Nội nói riêng mặc dù đã có nhiều cải tiến, nhưng chủ yếu vẫn theo phương thức cũ, còn nhiều bất cập và chậm đổi mới. Vì vậy, ngày 13 tháng 12 năm 2011, Bộ trưởng Bộ GD & ĐT đã phê duyệt "*Chương trình phát triển ngành sư phạm và các trường sư phạm từ năm 2011 đến năm 2020*" theo Quyết định số 6290/QĐ-BGDĐT. Mục tiêu chung của chương trình là: *Phát triển ngành sư phạm Việt Nam tiên tiến, hiện đại, đủ năng lực đáp ứng nhu cầu phát triển đội ngũ GV, cán bộ quản lý giáo dục của hệ thống giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và trung cấp chuyên nghiệp giai đoạn 2011 – 2020*.

Câu hỏi đặt ra là: Những năng lực sư phạm nào cần có ở người GV và SV ngành Sư phạm Lịch sử nói riêng để họ đủ khả năng đáp ứng những yêu cầu mới của giáo dục phổ thông? Làm thế nào để hình thành những kĩ năng (KN) nghề nghiệp đó cho SV sư phạm?

1.3.Trong nhiều năm qua, Khoa Lịch sử của Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở ĐTGV môn Lịch sử có truyền thống và kinh nghiệm ở Việt Nam hiện nay đã và đang tạo nên sự đột phá trong việc đào tạo ra những người thầy có phẩm chất đạo đức tốt, thực sự tâm huyết với nghề, không chỉ giỏi về chuyên môn mà còn vững vàng về NVSP. Việc hình thành kĩ năng dạy học (KNDH) cho những GV tương lai luôn đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển năng lực nghề và được thực hiện thường xuyên, liên tục trong suốt bốn năm học ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (ĐHSPHN).

Môn Lịch sử ở nhà trường phổ thông là môn học chiếm vị trí chủ đạo trong việc giáo dục truyền thống, bồi dưỡng phẩm chất, nhân cách cho thế hệ

trẻ, là công cụ giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước, giữ gìn những giá trị mà cha ông ta đã tạo ra. Điều đó tác động lâu dài và rộng lớn đối với sự phát triển của đất nước, sự tồn vong của dân tộc. Nhưng trong thực tiễn ở trường phổ thông hiện nay, môn LS lại bị xem nhẹ, đặt vào vị trí "môn phụ". Phần lớn HS không yêu thích môn học này. Phải chăng, kĩ năng dạy học của một số GV còn yếu nên không thể tạo ra được những bài giảng thực sự sinh động, hấp dẫn, khơi dậy sự hứng thú và niềm đam mê tình hiểu lịch sử cho HS?

1.4. Có thể khẳng định, nghiệp vụ sư phạm có vị trí đặc biệt quan trọng trong quá trình lao động nghề nghiệp của người GV. Tuy nhiên, trong thực tế, đội ngũ GV Lịch sử hiện nay còn bộc lộ nhiều hạn chế về năng lực NVSP, đặc biệt là kĩ năng dạy học. Điều này phần nào do chương trình ĐTGV ở trường ĐHSP HN còn nhiều bất cập, chậm đổi mới. Cách thức đào tạo chủ yếu nặng về lí thuyết, theo lối mòn đã có và khép kín trong nhà trường sư phạm hơn là chú trọng đến thực tiễn, gắn liền với các tình huống sinh động, đa dạng hàng ngày của trường phổ thông.

Để đáp ứng những yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao của xã hội hiện đại và thực tiễn nhà trường đối với người GV Lịch sử sau năm 2015, chúng tôi lựa chọn đề tài nghiên cứu *Hình thành kĩ năng dạy học cho sinh viên nghành sư phạm lịch sử - Trường ĐHSPHN* nhằm: giúp SV khoa Lịch sử nhanh chóng tiếp cận với thực tế nghề nghiệp, hình thành và phát triển một số KNDH cơ bản, quan trọng nhất góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ GV Lịch sử ở trường ĐHSPHN nói riêng và các trường ĐHSP nói chung trong cả nước.

2. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là: mục tiêu, nội dung chương trình và phương thức rèn luyện kĩ năng dạy học cho SV ngành sư phạm Lịch sử trong quá trình đào tạo tại Trường ĐHSP Hà Nội .

2.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Đề tài tập trung nghiên cứu lí luận giáo dục về vai trò của GV, vấn đề đào tạo GV, chương trình ĐTGV của khoa Lịch sử, Trường ĐHSPHN. Từ đó, đề xuất các biện pháp cụ thể để hình thành kĩ năng dạy học cho SV ngành sư phạm Lịch sử.

- Về địa bàn nghiên cứu:

+ Đề tài nghiên cứu vấn đề hình thành KNDH cho SV ngành sư phạm Lịch sử theo chương trình đào tạo của trường ĐHSP Hà Nội trong cả bốn năm học ở đại học, chủ yếu là năm học thứ ba và thứ tư.

+ Đề tài giới hạn phạm vi khảo sát thực trạng vấn đề rèn luyện KNDH là: Giảng viên, sinh viên khoa Lịch sử, trường ĐHSPHN và một số trường có truyền thống đào tạo giáo viên ở Việt Nam (ĐH Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, ĐHSP - ĐH Thái Nguyên, ĐH Vinh, ĐH Tây Bắc, ĐH Hùng Vương, ĐH Quy Nhơn), GV trẻ (đào tạo ở khoa Lịch sử) ra trường giảng dạy được 5 năm, GV một số trường THPT có SV của khoa Lịch sử (ĐHSP Hà Nội) về thực tập sư phạm (TTSP), làm việc sau khi ra trường.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và đánh giá đúng thực tiễn ĐTGV ở khoa Lịch sử - Trường ĐHSP Hà Nội cũng như thực trạng dạy và học lịch sử ở trường phổ thông hiện nay, luận án xác định những KNDH cần hình thành cho GV môn Lịch sử, xây dựng các tiêu chí đánh giá mức độ hình thành từng KNDH và đề xuất các biện pháp sư phạm cụ thể nhằm hình thành KNDH cho SV khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt mục tiêu trên, luận án cần giải quyết các nhiệm vụ cơ bản sau:

- Tổng quan các công trình nghiên cứu lý luận về KNDH của người GV nói chung và KNDH của GV môn Lịch sử nói riêng.
- Khảo sát, điều tra, đánh giá thực trạng việc rèn luyện KNDH bộ môn Lịch sử của SV ngành SP Lịch sử - Trường ĐHSP Hà Nội .
- Phân tích và đánh giá những ưu điểm, hạn chế của chương trình ĐTGV, hình thành kĩ năng nghề nghiệp cho SV khoa Lịch sử - Trường ĐHSP HN hiện nay.
- Xác định những yêu cầu, nguyên tắc cơ bản cũng như đề xuất các biện pháp sư phạm có hiệu quả nhằm hình thành KNDH bộ môn cho SV khoa Lịch sử, qua đó góp phần nâng cao chất lượng ĐTGV của các trường ĐHSP nói riêng, chất lượng DHLS ở trường THPT nói chung.
- Thực nghiệm sư phạm nhằm khẳng định tính khả thi của đề tài.

4. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.

4.1. Cơ sở phương pháp luận

Cơ sở phương pháp luận của đề tài dựa trên những quan điểm của chủ nghĩa Mác Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm đường lối của Đảng và nhà nước ta về giáo dục, giáo dục lịch sử.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu lí thuyết:

+ Đọc, tổng hợp, phân loại, phân tích các văn kiện, quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước, của ngành giáo dục...về vấn đề ĐTGV nói chung và đào tạo NVSP cho SV sư phạm nói riêng.

+ Hệ thống hóa, phân tích các quan điểm, công trình nghiên cứu có liên quan ở trong và ngoài nước về các lĩnh vực tâm lí học, giáo dục lịch sử...làm cơ sở cho việc xây dựng khung lí thuyết của đề tài, định hướng cho nghiên cứu thực tiễn.

- Phương pháp nghiên cứu thực tiễn:

+ Tổng kết kinh nghiệm ĐTGV, đào tạo NVSP của các trường sư phạm trong và ngoài nước. Tìm hiểu một số chương trình ĐTGV ở các quốc gia có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới.

+ Phương pháp điều tra cơ bản: phiếu hỏi đối với giảng viên, GV, SV; phỏng vấn nhóm, phỏng vấn sâu; phương pháp quan sát, dự giờ, tham gia các hoạt động cần thiết của trường phổ thông (PT), trường Thực hành sư phạm hoặc Trường ĐHSPHN...

- Phương pháp khác: phương pháp xin ý kiến chuyên gia, thực nghiệm sư

phạm từng phần và toàn phần; sử dụng toán học thống kê để tính toán kết quả thực nghiệm nhằm kiểm nghiệm tính khả thi của đề tài và đưa ra những kết luận khoa học.

5. Giả thuyết khoa học

Công tác ĐTGV hiện nay tại khoa Lịch Sử, Trường ĐHSP Hà Nội tuy đã có những kết quả ở mức độ nhất định, song SV tốt nghiệp ra trường thường gặp nhiều khó khăn trong dạy học, chưa đáp ứng được thực tiễn đổi mới giáo dục phổ thông. Do đó, nếu vận dụng các biện pháp hình thành và rèn luyện KNDH theo đúng yêu cầu mà luận án đề xuất sẽ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và ĐTGV Lịch sử ở Trường ĐHSPHN nói riêng, các cơ sở ĐTGV trong cả nước nói chung.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

6.1. Ý nghĩa khoa học: Luận án góp phần làm phong phú thêm hệ thống lý luận về các vấn đề ĐTGV nói chung, ĐTGV Lịch sử nói riêng, xác định hệ thống kĩ năng dạy học riêng biệt của người GV dạy Lịch sử ở trường phổ thông.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn: Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ được ứng dụng trực tiếp vào quá trình đào tạo SV ngành sư phạm Lịch sử - Trường ĐHSPHN. Sản phẩm của đề tài có thể trở thành tài liệu tham khảo, bồi dưỡng NVSP cho SV và Giảng viên môn PPDH Lịch sử các trường ĐHSP nói chung, qua đó góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn hiện nay.

7. Những đóng góp của đề tài

Kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần:

- Đánh giá được thực trạng vấn đề rèn luyện KNDH của SV khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN hiện nay thông qua kết quả khảo sát, điều tra thực tiễn.
- Xác định được hệ thống KNDH cơ bản, cốt lõi cần hình thành cho SV Sư phạm Lịch sử và đưa ra bộ tiêu chí đánh giá từng KNDH cụ thể.
- Đề xuất các biện pháp sư phạm có hiệu quả nhằm hình thành KNDH cho SV khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN.
- Chứng minh được tính hiệu quả của các biện pháp hình thành KNDH cho SV sư phạm Lịch sử thông qua thực nghiệm sư phạm.
- Đưa ra những kiến nghị cho việc đổi mới chương trình và nâng cao chất lượng ĐTGV Lịch sử của Trường ĐHSPHN.

8. Cấu trúc của Luận án

Ngoài Mở đầu, Kết luận, Phụ lục và Tài liệu tham khảo, Luận án gồm 4 chương:

Chương 1. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Chương 2. Cơ sở lí luận và thực tiễn của việc hình thành kĩ năng dạy học cho sinh viên khoa Lịch sử - Trường ĐHSP Hà Nội.

Chương 3. Hệ thống kĩ năng và tiêu chí đánh giá kĩ năng dạy học của sinh viên ngành sư phạm Lịch sử - Trường ĐHSP Hà Nội.

Chương 4. Một số biện pháp hình thành kĩ năng dạy học cho sinh viên sư phạm Lịch sử - Trường ĐHSP Hà Nội. Thực nghiệm sư phạm.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. Các công trình nghiên cứu về giáo dục học, tâm lí học

1.1.1. Nghiên cứu của các tác giả nước ngoài

T. A. Ilina trong cuốn ***Giáo dục học*** (Nhà xuất bản Giáo dục, 1973) đã đề cập sâu đến bản chất, nguyên tắc của quá trình dạy học, các phương pháp, những hình thức tổ chức dạy học của giáo viên *nhằm thúc đẩy học sinh nỗ lực ý chí, kích thích hứng thú và khát vọng vươn tới một mục đích nào đó.* Đây chính là những gợi ý giúp hình thành năng lực nghề cho SV sư phạm trong quá trình đào tạo.

David A. Jacobsen, Paul Eggen, Donal Kauchak trong cuốn ***Methods for Teaching*** (Prentice Half-Gale 2002) đã đưa ra các phương pháp và kĩ thuật dạy học phù hợp với những phong cách học khác nhau của HS nhằm khuyến khích vai trò chủ động của các em. Theo đó, nếu GV biết đa dạng hóa cách dạy sẽ đạt hiệu quả hơn những người luôn chỉ làm theo một cách nhất định.

Chris Tyriacou trong cuốn ***Essential Teaching skills*** (Nelson Thornes Ltd, Delta Place 27 Bath Road CHELTENHAM GL53 7TH United Kingdom) đã phác thảo các kỹ năng giảng dạy có liên quan trong dạy học hiệu quả: kĩ năng lập kế hoạch và chuẩn bị bài giảng, cách thức trình bày bài giảng của GV, kĩ năng quản lý lớp học, kĩ năng tạo không khí lớp học tích cực, kĩ năng đánh giá các hoạt động trong lớp học (đánh giá sự tiến bộ của HS), kĩ năng xử lý hành vi sai trái của HS...

Hai tác giả **Jean – Marc Denommé** và **Madeleine Roy** trong tác phẩm ***Tiến tới một phương pháp sư phạm tương tác*** (Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội 2005) đã đề cập tới một trường phái sư phạm học tương tác cùng nền tảng lý luận của nó. Các tác giả cho rằng: Hoạt động dạy học là sự tương tác lẫn nhau giữa ba yếu tố *Người dạy (thầy) – Người học (trò) và môi trường*.

Các tác giả của **Hiệp hội Giám định và Phát triển chương trình giáo dục Hoa Kì** – ASCD như **James H. Stronge** (cuốn ***Những phẩm chất của người giáo viên hiệu quả,*** Nhà xuất bản Giáo dục 2011), **Giselle O. Martin – Kniep** (cuốn ***Tám đổi mới để trở thành người giáo viên giỏi***, Nhà xuất bản Giáo dục 2011**), Robert J. Marazano** (cuốn ***Nghệ thuật và khoa học dạy học,*** Nhà xuất bản Giáo dục 2011**)**...đều nhấn mạnh rằng hoạt động sư phạm hiệu quả phải bao gồm ba lĩnh vực có liên quan với nhau: (1) Các phương pháp dạy học mà giáo viên sử dụng – (2) Các thủ thuật quản lý lớp học mà giáo viên sử dụng – (3) Chương trình học do giáo viên thiết kế. Các tác giả đều đi sâu phân tích những yếu tố này và đưa ra một số biện pháp cụ thể của người giáo viên nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong dạy học.

Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu lí thuyết, **Robert J.Marzano - Debrra J.Pickering - Jane E.Pollock,** trong ***Các phương pháp dạy học hiệu quả*** (Người dịch Nguyễn Hồng Vân, Nhà xuất bản Giáo

dục, 2011) đã giới thiệu các phương pháp dạy học đem lại hiệu quả như "Nhận ra sự giống và khác nhau", "Tóm tắt ghi ý chính", "Phương pháp khích lệ học tập và ghi nhận những cố gắng", "Bài tập về nhà và thực hành"...

Tác giả **Robert J.Marzano - Jana S.Marzano - Debrra J.Pickering** với công trình ***Quản lí lớp học hiệu quả*** (Người dịch Phạm Trần Long, Nhà xuất bản Giáo dục, 2011) cho rằng GV đứng lớp có ba vai trò thể hiện toàn diện năng lực dạy học là: lựa chọn biện pháp giảng dạy, thiết kế chương trình giảng dạy và áp dụng các biện pháp quản lí lớp học, trong đó quản lí lớp học là nền tảng.

James H.Stronge trong ***Những phẩm chất của người giáo viên hiệu quả*** (Người dịch Lê Văn Canh, Nhà xuất bản Giáo dục, 2011) nhấn mạnh rằng: người GV hiệu quả phải thực hiện tốt khâu quản lí và tổ chức lớp học, soạn bài và tổ chức giảng dạy, thực hiện giảng dạy, theo dõi sự tiến bộ và tiềm năng của HS. Tác giả cũng đưa ra bảng tiêu chí đánh giá kĩ năng của một GV hiệu quả.

Trong công trình ***Nghệ thuật và khoa học dạy học*** (Người dịch GS.TS Nguyễn Hữu Châu, Nhà xuất bản Giáo dục, 2011), nhà giáo dục học nổi tiếng người Mĩ **Robert J.Marzano** khẳng định nghề dạy học vừa là khoa học vừa là nghệ thuật.

Giselle O.Martin - Kniep trong ***Tám đổi mới để trở thành người giáo viên giỏi*** (Người dịch Lê Văn Canh, Nhà xuất bản Giáo dục, 2011) đã trình bày những thủ thuật dạy học cụ thể để GV vận dụng vào từng lớp học, với từng đối tượng nhận thức khác nhau. Điều đó đòi hỏi ở người GV sự sáng tạo không ngừng để có thể nuôi dưỡng được hoạt động học tập đích thực cho HS.

Thomas Armstrong trong ***Đa trí tuệ trong lớp học*** **(**Người dịch Lê Quang Long, Nhà xuất bản Giáo dục, 2011) đã chỉ rõ tiềm năng của con người trong tám loại "trí tuệ". Từ đó, định hướng cho giáo viên phải coi trọng, phát huy sự đa dạng trí tuệ của HS, khơi gợi tiềm năng sáng tạo của các em. Để làm được điều đó, đòi hỏi người GV phải có năng lực dạy học và giáo dục thực sự.

Tác giả **Philippe Perrenoud** – nhà tâm lí học, giáo dục học Thụy Sỹ trong cuốn ***Mười năng lực mới trong dạy học*** *(bản tiếng Pháp, Paris, ESF, 1999)* đã đưa ra 10 nhóm năng lực sư phạm cho người GV trong giai đoạn mới.

1.1.2. Nghiên cứu của các tác giả trong nước.

Hai tác giả **Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt** trong giáo trình ***Giáo dục học*** (Nhà xuất bản Giáo dục 1987) đã đi sâu phân tích một loạt những vấn đề của lý luận dạy học như *quá trình, các nguyên tắc, nội dung, các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học*.

Nghiên cứu sâu hơn về quá trình dạy học, **Nguyễn Hữu Châu** trong ***Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học*** (Nhà xuất bản Giáo dục 2006) khẳng định: thành tố quan trọng nhất đảm bảo cho việc dạy học có hiệu quả là người GV. Không có kĩ thuật, phương pháp, thiết bị và đồ dùng dạy học nào có thể đảm bảo sự thành công cho việc dạy học – nhưng người giáo viên có thể làm được điều ấy. Họ bao giờ cũng là động lực quan trọng bậc nhất của quá trình dạy học.

Tác giả **Trần Bá Hoành** trong ***Vấn đề giáo viên – những nghiên cứu lí luận và thực tiễn*** (Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2006), đưa ra quan điểm *một hướng đổi mới đào tạo giáo viên hiện nay là phải dạy học sinh phương pháp học*, khẳng định chức năng cơ bản của người dạy là dạy cách học, chức năng cốt lõi của người học là học cách học. Một GV giỏi phải biết kết hợp nhuần nhuyễn hai hoạt động đó trong quá trình dạy học.

Nội dung rèn luyện kĩ năng cho SV sư phạm có thể kể đến nghiên cứu của **Phạm Viết Vượng** trong ***Hình thành kĩ năng giảng dạy và giáo dục cho sinh viên Đại học Sư phạm thông qua thâm nhập thực tế các trường phổ thông*** (Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2001). Tác giả đã đưa ra khái niệm về kĩ năng và kĩ năng sư phạm, phân loại kĩ năng sư phạm, xây dựng quy trình rèn luyện KN cho SV trường ĐHSPHN trong môi trường thực tế tại các trường trung học phổ thông qua các đợt TTSP.

Bàn về vấn đề ĐTGV, công trình nghiên cứu của tập thể các tác giả **Đinh Quang Báo**, **Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thị Kim Dung, Hà Thị Lan Hương, Vũ Thị Sơn.** Cuốn sách ***Chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông*** (Nhà xuất bản ĐHSPHN 2015) khẳng định sự cần thiết của việc phải đổi mới ĐTGV ở các trường ĐHSP trong giai đoạn hiện nay, tổng kết kinh nghiệm của một số quốc gia tiên tiến về chương trình ĐTGV, đặt ra những vấn đề đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực. Các tác giả cũng nêu lên một số giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện các giải pháp đổi mới chương trình ĐTGV trình độ Đại học theo học chế tín chỉ như: tường minh hóa mô hình ĐTGV, xác định nội dung và mục tiêu đào tạo, tổ chức liên kết trách nhiệm giữa cơ sở ĐTGV và trường phổ thông trong đào tạo, tổ chức thực hành NVSP thường xuyên và TTSP.

1.2. Các công trình nghiên cứu về giáo dục lịch sử.

1.2.1. Nghiên cứu của các tác giả nước ngoài.

Nhà nghiên cứu **Henri Moniot** trong ***Didactique de l'histoire*** - *Phương pháp dạy học lịch sử* (Nathan, 1993) tập trung làm sáng tỏ các vấn đề trong PPDH bộ môn Lịch sử như: bộ môn LS trong nhà trường, chức năng của DHLS, các PPDH lịch sử trong nhà trường phổ thông, SGK lịch sử, giáo dục LS với vấn đề giáo dục công dân, GV với vấn đề dạy học và dạy cách học...Giáo trình đề cập tới các năng lực sư phạm của người GV trong việc lựa chọn, thiết kế nội dung dạy học; sử dụng và kết hợp các PPDH trong giờ học LS; rèn luyện ngôn ngữ nói – viết trong dạy học bộ môn...

Cuốn ***Enseigner l'histoire à l'école*** – *Dạy học lịch sử trong nhà trường* (Hachette, 2006) của tác giả **Alain Dalongeville** là tài liệu hướng dẫn GV trong DHLS trên khía cạnh phát huy các nhóm năng lực sư phạm ở các nội dung: Cần làm những gì trong dạy học LS? Kiến thức bộ môn LS trong giảng dạy? Làm sao để đưa HS vào các tình huống học tập? Lịch sử góp phần đào tạo công dân như thế nào? Tác giả nhấn mạnh vai trò của người GV lịch sử trong việc lựa chọn, xây dựng và thực hiện bài học bằng những kiến thức và KN được rèn luyện trước đây.

Trong bộ sách 8 tập mang tên ***"Apprendre l'histoire?"*** - *Làm thế nào để học lịch sử ?* (Université catholique de Louvain, Collection Belge 1998-2005) các nhà sư phạm Trường Đại học Thiên chúa giáo Louvain-Bỉ đã đưa ra những nghiên cứu có giá trị về nhiều mặt như: Daens – từ màn ảnh tới trường học (tập 1), dạy học thời Charlemagne (tập 2), LS từ góc nhìn tới hình ảnh (tập 5, 6), từ khái niệm quá khứ để hiểu hiện tại (tập 7), SGK lịch sử phổ thông: quá khứ, hiện tại, tương lai (tập 8). Đặc biệt, các tác giả đã dành 2 tập sách viết về năng lực và năng lực sư phạm trong giờ học LS, đó là: Phát triển các năng lực trong giờ học LS (tập 3), Giá trị các năng lực trong giờ học LS (tập 4). Xuất phát từ yêu cầu chuẩn năng lực trong DHLS của Bộ quản lý vùng nói tiếng Pháp tại Vương quốc Bỉ, những năng lực này được hình thành và rèn luyện trong môi trường sư phạm: từ lý thuyết đến thực hành PT, bao gồm 4 nội dung : *1) Năng lực xây dựng vấn đề nghiên cứu trong dạy học; 2) Năng lực bình luận, phê phán LS; 3) Năng lực tổng hợp; 4) Năng lực trình bày* [118; 11]. Cụ thể, trong DHLS, các tác giả Jean-Louis Jadoulle, Mathieu Bouhon, Catherine Dambroise đã xây dựng hệ thống lý thuyết nhằm hướng dẫn GV, SV sư phạm rèn luyện các KN như : *xây dựng các tình huống tích hợp đặc thù và mạng lưới đánh giá; thực hiện dạy học trong giờ học LS; tổ chức các phương pháp đánh giá quá trình DHLS; hoàn thiện năng lực vào cuối năm học* [119; 3].

Như vậy, nghiên cứu của các tác giả nước ngoài đều nhấn mạnh đến vai trò quan trọng của việc DHLS theo định hướng phát triển năng lực HS, đồng thời đề cập đến các năng lực sư phạm cụ thể của người GV dạy môn Lịch sử để thu hút sự chú ý của HS vào bài giảng, tạo hứng thú học tập cho người học. Trên cơ sở những tài liệu đã tiếp cận được, tác giả luận án xác định hệ thống các KNDH cơ bản của người GV lịch sử và đề xuất những biện pháp cụ thể để hình thành KN đó trong quá trình ĐTGV ở trường ĐHSPHN.

1.2.2. Nghiên cứu của các tác giả trong nước.

Trong các giáo trình, tài liệu tham khảo về PPDH lịch sử như cuốn ***Phương pháp dạy học lịch sử*** tập 1 (**Phan Ngọc Liên** chủ biên, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội 2010), cuốn ***Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông*** (**Nguyễn Thị Côi,** Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội 2006) đã đề cập đến quá trình dạy học lịch sử, coi đó là một quá trình thống nhất của hai khâu có tác động, ảnh hưởng đến nhau – giảng dạy của GV và học tập của HS.

Trong ***Hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử ở trường Trung học cơ sở*** (Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội 2005) tác giả **Trịnh Đình Tùng** đưa ra hai nhóm phương pháp được sử dụng trong dạy học lịch sử: (1) Nhóm phương pháp thông tin tái hiện lịch sử (tập trung vào vai trò của người dạy: cung cấp, truyền thụ kiến thức), (2) Nhóm phương pháp phát triển năng lực nhận thức, tìm tòi, nghiên cứu (tập trung vào vai trò của người học: tự học và khám phá kiến thức dưới sự hướng dẫn, tổ chức của thầy). Các phương pháp dạy học bộ môn

nói trên là gợi ý cho tác giả luận án xác định hệ thống các kĩ năng dạy học của người GV môn Lịch sử và đề xuất những biện pháp hình thành KN đó.

Đề cập đến vấn đề KNDH của SV khoa Lịch sử các trường Đại học Sư phạm, cuốn ***Nhập môn sử học*** (Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội năm 2006) của **Phan Ngọc Liên (chủ biên), Trịnh Đình Tùng, Đặng Văn Hồ, Trần Quốc Tuấn** đã đưa ra những năng lực cơ bản cần hình thành cho sinh viên khoa Sử - Đại học Sư phạm: năng lực tự học, năng lực dạy học, năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Năng lực dạy học là dấu hiệu đặc trưng, cơ bản của người thầy giáo trong nhà trường, được tiến hành từ khi SV bước chân vào trường sư phạm, trong đó, bộ môn Lí luận và phương pháp dạy học có nhiệm vụ đặc biệt tạo cơ sở để hình thành năng lực dạy học cho SV, do đó cần chú trọng các hoạt động rèn luyện NVSP trong quá trình đào tạo.

Để nghiên cứu cụ thể hơn về những năng lực dạy học cần rèn luyện cho SV khoa Lịch sử tại trường ĐHSP, chúng tôi tìm hiểu cuốn ***Rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ sư phạm môn Lịch sử*** **(**Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2009) của **Nguyễn Thị Côi (Chủ biên), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Mạnh Hưởng, Đoàn Văn Hưng, Nguyễn Thị Thế Bình**. Các tác giả khẳng định tầm quan trọng, sự cần thiết phải rèn luyện kĩ năng NVSP cho SV ngành Lịch sử ở các trường Sư phạm. Đó là các kĩ năng: diễn đạt, sử dụng bảng đen, xây dựng và sử dụng các loại đồ dùng trực quan trong dạy học lịch sử; sử dụng sách giáo khoa và xây dựng hồ sơ tư liệu, kĩ năng tổ chức hoạt động ngoại khóa, kĩ năng khai thác và sử dụng thông tin trên mạng Internet...

Xuất phát từ những nguyên tắc về lí luận dạy học bộ môn Lịch sử, từ quan niệm đúng đắn về "tính chất nghề nghiệp" của hoạt động dạy học, tác giả **Kiều Thế Hưng** đã đi sâu nghiên cứu "thao tác sư phạm" của người giáo viên dạy Sử. ***Hệ thống thao tác sư phạm trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông trung học*** (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội 1999) không chỉ liệt kê, phân loại các loại hình thao tác trong dạy học lịch sử, tác giả còn thiết kế quy trình xây dựng hệ thống những thao tác đó và vận dụng nó vào các hình thức tổ chức dạy học bộ môn với những bài tập thực hành rất cụ thể.

Tác giả **Nguyễn Thị Thế Bình** trong cuốn ***Phát triển kĩ năng tự học Lịch sử cho học sinh*** (Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội 2014) đã đề cập một cách có hệ thống, toàn diện nhiều vấn đề có liên quan đến dạy học lịch sử nói chung, tự học lịch sử của HS nói riêng, lí giải một loạt vấn đề mà nhiều giáo viên lịch sử quan tâm như: những kĩ năng tự học lịch sử nào cần hình thành và phát triển cho HS? Làm thế nào để phát triển những kĩ năng ấy?

Bên cạnh đó, chúng tôi còn tiếp cận những bài viết đề cập đến vấn đề **năng lực sư phạm, giải pháp hình thành kĩ năng dạy học cho sinh viên sư phạm, chương trình đào tạo giáo viên tại các trường sư phạm** được đăng tải trên các tạp chí về giáo dục: *Mối quan hệ giữa chuẩn nghề nghiệp GV, chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của Đại học Sư phạm* (Đinh Quang Báo, Tạp chí giáo dục,

số đặc biệt tháng 6/2010); *Thực tập sư phạm trong vấn đề chất lượng đào tạo giáo viên hiện nay* (Kiều Thế Hưng, Tạp chí giáo dục, số đặc biệt tháng 6/2010); *Giải pháp nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm cho giáo sinh* (Nguyễn Văn Khôi, Tạp chí giáo dục, Số 253 - kì 1 - 1/2011); *Thực trạng ĐTGV - nhìn từ khả năng đáp ứng yêu cầu thực tiễn giáo dục phổ thông của SV năm cuối và giáo viên trẻ* (Nguyễn Thị Kim Dung, Tạp chí giáo dục&xã hội, Số 8 (68), tháng 1-/2011); *Đổi mới đào tạo nghiệp vụ sư phạm trong các trường sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề nghiệp* (Nguyễn Thị Kim Dung, Tạp chí giáo dục, số 308, kì 2 tháng 4/2013); *Mối quan hệ giữa năng lực nghiệp vụ sư phạm của giảng viên và năng lực nghiệp vụ sư phạm của SV trong đào tạo giáo viên* (Hoàng Thị Kim Huyền, Tạp chí giáo dục, Số đặc biệt tháng 11/2014)...

1.3. Chương trình đào tạo giáo viên, rèn luyện năng lực sư phạm cho sinh viên của một số quốc gia trên thế giới

Trên thế giới, giáo dục được xem là vấn đề cốt lõi cho sự phát triển của một quốc gia. Xuất phát từ những thay đổi mang tính chất toàn cầu đang diễn ra làm thay đổi môi trường giáo dục, vấn đề ĐTGV được quan tâm một cách đặc biệt. Để có thêm cơ sở lí luận và thực tiễn cho những giải pháp được đưa ra trong luận án, chúng tôi đã nghiên cứu kinh nghiệm của các quốc gia (Pháp, Mĩ, Australia, Nhật Bản, Đức...) có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới về một số vấn đề: mô hình ĐTGV và chương trình thực hành, thực tập sư phạm, năng lực sư phạm cần có đối với SV tốt nghiệp sư phạm trình độ Đại học, khả năng vận dụng mô hình ĐTGV của thế giới vào Việt Nam.

1.4. Nhận xét chung về các công trình khoa học đã công bố và những vấn đề đặt ra tiếp tục cần nghiên cứu.

Qua một số tài liệu đã tiếp cận nói trên, chúng tôi nhận thấy các tác giả đã giải quyết được các vấn đề sau:

- Khẳng định vai trò, vị trí, tầm quan trọng của công tác đào tạo, rèn luyện NVSP cho SV các trường sư phạm. Nêu lên khái niệm, vai trò, các thành tố cấu thành, phân loại các KNDH cơ bản và đưa ra tiêu chí đánh giá các kĩ năng đó.

- Trên cơ sở nêu lên thực trạng công tác đào tạo NVSP hiện nay ở các trường sư phạm, nhiều tác giả đã đề xuất những biện pháp sư phạm để nâng cao chất lượng, hiệu quả rèn luyện KNDH của các cơ sở như: đổi mới chương trình, nội dung, phương thức đào tạo, phương pháp giảng dạy của giảng viên, nâng cao cơ sở vật chất của nhà trường...

Kết quả nghiên cứu trên là nguồn tài liệu tham khảo quý giá, cần thiết phục vụ cho người viết trong quá trình hoàn thành luận án. Tuy nhiên, chưa có một công trình nào đi sâu giải quyết vấn đề một cách hệ thống về KNDH của một người giáo viên môn Lịch sử, đặc biệt là KNDH ở trên lớp và những biện pháp hình thành KN cho SV ngành sư phạm lịch sử - Trường ĐHSPHN.

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÍ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC HÌNH THÀNH KĨ NĂNG DẠY HỌC CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ - TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

2.1. Cơ sở lí luận

2.1.1. Các khái niệm cơ bản liên quan đến đề tài

**** Khái niệm "Kĩ năng":*** Trên cơ sở nghiên cứu quan điểm của các nhà tâm lí học, giáo dục học, chúng tôi cho rằng *Kĩ năng là sự thực hiện có kết quả một công việc nào đó (lao động chân tay hay nhận thức) bằng cách vận dụng những tri thức, những kinh nghiệm đã có để hành động phù hợp với hoàn cảnh và những điều kiện cho phép. Kĩ năng biểu hiện trình độ các thao tác tư duy, năng lực hành động và kĩ thuật của hành động.*

**** Khái niệm "Kĩ năng dạy học":*** Trong phạm vi nghiên cứu cụ thể của đề tài luận án, chúng tôi cho rằng *kĩ năng dạy học lịch sử là sự vận dụng những tri thức sư phạm đã có để thực hiện hiệu quả hoạt động dạy học lịch sử trong những điều kiện cụ thể.* Cần nhấn mạnh rằng, kĩ năng dạy học không đơn giản chỉ là biểu hiện của các thao tác hình thức như kĩ năng nói, kĩ năng viết, kĩ năng trình bảy bảng, kĩ năng vẽ hình họa, kĩ năng xử lí các tình huống sư phạm...Trong tính hệ thống của nó, kĩ năng tư duy chiều sâu, kĩ năng phân tích, kĩ năng phân tích, so sánh để lí giải bản chất của sự kiện, của đối tượng nghiên cứu, để xây dựng cấu trúc bài giảng, để tìm hiểu mối liên hệ bản chất của kiến thức khoa học cơ bản, để xác định nội dung cơ bản của hệ thống thống kiến thức khoa học...mới là những nội dung quan trọng nhất, là máu thịt, là linh hồn của kĩ năng dạy học

**** Mối quan hệ giữa "kĩ năng" và "năng lực":*** Giữa "kĩ năng" và "năng lực" có mối quan hệ khăng khít với nhau. Năng lực là tổ hợp kiến thức về lĩnh vực hoạt động + KN tiến hành hoạt động + điều kiện tâm lí để tổ chức thực hiện KN đó trong một cơ cấu thống nhất và theo một phương hướng rõ ràng. Kĩ năng chỉ là một yếu tố cơ bản hết sức quan trọng của năng lực, hiện thực hoá năng lực, còn năng lực là nền tảng không thể thiếu của KN. Mặt khác, nếu chỉ có kiến thức hoặc kĩ năng, hoặc thái độ - một yếu tố riêng rẽ thì cũng không tạo thành năng lực, phải có sự kết hợp, tổ chức các thành tố đó. Người có KN tốt chưa hẳn đã là người có năng lực tốt, nhưng thông qua bồi dưỡng, rèn luyện KN với phương pháp đúng đắn và có hệ thống sẽ phát triển thành năng lực của bản thân.

**** Cơ chế hình thành kĩ năng:*** Việc hình thành kĩ năng nói chung, KNDH của GV nói riêng là một quá trình được thực hiện từng bước từ đơn giản đến phức tạp, không thể tiến hành một cách tùy tiện, mày mò theo kinh nghiệm chủ nghĩa mà phải được tiến hành một cách khoa học, tuân thủ theo quy trình nhất định. Muốn thành công, người học phải tham gia trực tiếp vào quá trình rèn luyện, phải có hiểu biết về KN, có khả năng vận dụng sáng tạo và linh hoạt những KN này vào hoàn cảnh cụ thể.

**** Các điều kiện để hình thành kĩ năng:*** Trên cơ sở các giai đoạn hình thành kĩ năng, các nhà giáo dục nhấn mạnh để hình thành KN, cần có những

điều kiện cụ thể về cơ sở vật chất, năng lực của giảng viên hướng dẫn, trình độ nhận thức và nội lực của SV.

2.1.2. Đặc điểm lao động sư phạm của người giáo viên

Đặc điểm quan trọng nhất của lao động sư phạm là luôn có sự tương tác giữa con người với con người, GV - GV, GV - HS, HS – HS, cộng đồng nhà trường – cộng đồng xã hội. Sản phẩm của nghề GV là nhân cách con người - một thực thể tâm lí sống động đang lớn lên và luôn phát triển theo thời gian, rất đa dạng, phức tạp. Đối tượng tác động của GV là con người, nên cũng có khả năng phản ánh, tự thu nhận thông tin và xử lí thông tin theo các cách khác nhau. Phẩm chất nhân cách của GV cũng là nguồn thông tin tác động tích cực đến sự hình thành nhân cách HS. Tóm lại, trong lao động sự phạm, đối tượng lao động là con người, công cụ chủ yếu là con người, sản phẩm cũng là con người.

Đối tượng của nghề dạy học không chỉ là những con người sống động, hoạt bát, phát triển không ngừng về thể chất và tinh thần, mà quá trình lớn lên và trưởng thành của họ còn chịu ảnh hưởng từ nhiều phía như gia đình, nhà trường, môi trường XH bên ngoài...Điều đó đòi hỏi người GV trong quá trình lao động của mình luôn luôn phải có sự điều chỉnh linh hoạt và sáng tạo.

2.1.3. Định hướng đổi mới đào tạo giáo viên ở Việt Nam

**** Vai trò của đội ngũ giáo viên***

Đội ngũ nhà giáo là nòng cốt của sự nghiệp giáo dục, quyết định chất lượng giáo dục của nhà trường. Đội ngũ nhà giáo yếu kém, bất cập thì dù có chương trình, tài liệu giáo khoa hay cơ sở vật chất thiết bị dạy học đầy đủ, hiện đại vẫn không thể đảm bảo được chất lượng giáo dục. GV không chỉ đóng vai trò là người truyền đạt tri thức mà còn là người tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, gợi mở, cố vấn, trọng tài các hoạt động học tập, tìm tòi, khám phá, giúp HS tự lực chiếm lĩnh tri thức. Vì vậy, đứng trước yêu cầu của cuộc cải cách toàn diện nền giáo dục, giáo viên phải có năng lực đổi mới phương pháp dạy học, chuyển từ phương pháp dạy học tập trung vào vai trò của GV và hoạt động dạy sang phương pháp dạy học tập trung vào vai trò của HS và hoạt động học; từ cách dạy thông báo, giải thích, minh họa sang cách dạy hoạt động tìm tòi khám phá.

**** Đổi mới mục tiêu, chương trình và nội dung đào tạo giáo viên***

Chương trình môn lịch sử hiện nay ở trường phổ thông đang được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực. Đây là một định hướng cơ bản cho việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học và giáo dục. HS gắn liền với "hoạt động học", giáo viên gắn liền với "hoạt động dạy". GV là người thiết kế, thực hiện, thi công quá trình dạy học, tổ chức HS khám phá tri thức mới, vừa là tấm gương, là đối tượng để học sinh học tập. Vì vậy, chương trình ĐTGV tại các trường ĐHSP cần kết hợp đào tạo chuyên môn và đào tạo nghiệp vụ, kết hợp giữa đào tạo và tự đào tạo, đào tạo cách dạy và cách học.

Chương trình ĐTGV cần kết hợp giữa kiến thức khoa học cơ bản, khoa học chuyên ngành và khoa học giáo dục. Bên cạnh việc cung cấp kiến thức khoa học, cần chú trọng vào việc hình thành các năng lực và KN cần thiết cho

người GV. Hai nhiệm vụ đào tạo chuyên môn và đào tạo nghiệp vụ phải kết hợp hài hòa với nhau về thời lượng chương trình. Các trường sư phạm cần quan niệm ĐTGV là quá trình liên tục, phải có sự kết hợp giữa đào tạo và tự đào tạo. Đối tượng lao động của GV là con người với đầy đủ những đặc tính phức tạp, nội dung môn học trong nhà trường thường xuyên thay đổi. Vì vậy, nếu không có khả năng tự nâng cao trình độ của bản thân, không được tạo điều kiện cho quá trình đào tạo lại thì họ khó có thể đảm đương các nhiệm vụ của một nhà giáo dục trong thế kỉ XXI.

**** Đổi mới phương pháp đào tạo giáo viên***

Một trong những yếu tố tác động đến quá trình tự đào tạo và đào tạo thường xuyên là SV phải được dạy cách học. Đây không chỉ là một biện pháp nâng cao hiệu quả học tập, mà phải trở thành mục tiêu cần đạt được trong quá trình ĐTGV. Đổi mới phương pháp ĐTGV theo hướng phát huy tính tích cực của người học ở ĐH được thực hiện theo nguyên lí "*biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo*". Trường ĐHSPHN cần phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, khả năng tự học, tự nghiên cứu của SV.

**** Cải thiện điều kiện học tập của sinh viên ở các cơ sở ĐTGV:*** Cơ sở vật chất tốt tạo điều kiện cho SV phát huy, nâng cao, hoàn thiện năng lực vốn có của bản thân, tự tin, nỗ lực, giúp đỡ lẫn nhau để phấn đấu trở thành GV giỏi trong tương lai.

2.1.4. Vai trò, ý nghĩa của việc hình thành kĩ năng dạy học cho sinh viên ngành sư phạm Lịch sử

Mục tiêu của khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN là đào tạo những GV dạy Sử giỏi về chuyên môn và vững vàng về kĩ năng sư phạm trong tương lai. Việc tổ chức các hoạt động rèn luyện kĩ năng nghề nghiệp tạo điều kiện cho SV có thể biến hệ thống tri thức khoa học cơ bản và khoa học nghiệp vụ đã học thành những KNDH, kết hợp thường xuyên, kịp thời lý luận với thực tiễn, học đi đôi với hành trong quá trình đào tạo. Tích cực rèn luyện sẽ giúp SV có có điều kiện tích lũy tri thức lịch sử, phát triển hệ thống các KN sư phạm, bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp, hình thành phẩm chất, năng lực của người GV. Vì vậy, nâng cao chất lượng các hoạt động thực hành nghiệp vụ để hình thành KNDH cho SV sư phạm Lịch sử - Trường ĐHSPHN là góp phần đào tạo ra đội ngũ GV có chất lượng cao, đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn giáo dục nước nhà trong xu thế hội nhập.

2.2. Cơ sở thực tiễn

Chúng tôi tiến hành điều tra, khảo sát thực tiễn nhằm các mục đích sau: Phân tích thực trạng ĐTGV Lịch sử của Trường ĐHSPHN; Phân tích nhu cầu rèn luyện kĩ năng dạy học của SV sư phạm lịch sử - Trường ĐHSPHN; Thăm dò các KNDH cần có đối với SV tốt nghiệp Đại học Sư phạm và các giải pháp hình thành các kĩ năng đó; Khảo sát tự đánh giá về kĩ năng dạy học của SV năm cuối (Khoa Lịch sử các trường Đại học Sư phạm); Khảo sát thái độ, tinh thần học tập môn lịch sử của HS phổ thông hiện nay, phương pháp dạy học của GV môn Lịch sử ở trường phổ thông đã đáp ứng được những yêu cầu của

đổi mới giáo dục phổ thông sau năm 2015 hay chưa? Phân tích nguyên nhân của thực trạng này.

Phương pháp điều tra: điều tra xã hội học với mục đích xây dựng một phần cơ sở thực tiễn của nội dung nghiên cứu cũng như làm cơ sở cho thiết kế thực nghiệm sư phạm. Hình thức điều tra cơ bản là thông qua các bảng hỏi (phiếu khảo sát, thăm dò ý kiến), phiếu quan sát. Qua khảo sát và điều tra thực tiễn, chúng tôi nhận thấy: những vấn đề cốt lõi tạo nên sự đột phá trong việc nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên nói chung và hình thành KNDH nói riêng cho sinh viên khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN chưa được giải quyết:

- Nội dung chương trình đào tạo NVSP cho SV chưa cập nhật, bổ sung những nội dung mới đáp ứng yêu cầu của người GV hiện đại. Các nội dung liên quan đến ĐTGV trở thành *Nhà giáo dục, Nhà nghiên cứu, Người học, Nhà văn hóa* còn rất mờ nhạt. Thực hành ít, chương trình ĐTGV nói chung và đào tạo nghiệp vụ sư phạm ở trường ĐHSPHN vẫn nặng về lí thuyết, ít thực hành.

- Nội dung chưa thực sự phù hợp với thực tiễn và chưa gắn kết với giáo dục phổ thông. Nhiều kiến thức SV được trang bị trong quá trình đào tạo ở trường Đại học nhưng không cần thiết hoặc không sát với thực tiễn giáo dục phổ thông. Sự gắn kết giữa các học phần NVSP với các học phần thuộc khoa học cơ bản chưa tốt: thể hiện ở sự tách rời giảng dạy KH cơ bản với KH nghiệp vụ ở cả nội dung chương trình cũng như ở giảng viên. Ngoài ra, mối liên hệ giữa KH cơ bản với môn học tương ứng sẽ dạy ở phổ thông cũng chưa chặt chẽ.

- Nhà trường chưa có sự đầu tư đúng mức và thỏa đáng về kinh phí cho các hoạt động rèn luyện NVSP. Các hình thức thực hành chưa đa dạng, phong phú, chưa phát huy hết được khả năng của đội ngũ giảng viên bộ môn phương pháp dạy học các khoa cũng như GV của trường THCS & trung học phổ thông Nguyễn Tất Thành. Mối quan hệ giữa Trường Đại học Sư phạm và Trường phổ thông thực hành còn lỏng lẻo.

CHƯƠNG 3. HỆ THỐNG KĨ NĂNG VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG DẠY HỌC CỦA SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ - TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

3.1. Hệ thống kĩ năng dạy học môn Lịch sử

3.1.1. Phân loại kĩ năng dạy học môn Lịch sử

3.1.1.1. Một số cách phân loại kĩ năng dạy học của các nhà giáo dục.

Có rất nhiều cách phân loại KNDH khác nhau. Trong cuốn *Microteaching and Prospective Teachers* của M.J.Lakshmi (2009, Tr 65-69) đã đưa ra một số cách phân loại KNDH của các nhà nghiên cứu như *Allen and Ryans, Passi, Joshi, Ram Babu...* Tuy nhiên, KNDH được các nhà giáo dục đưa ra ở trên đều là những kĩ năng chung cho mọi GV. Một số kĩ năng lại được phân chia thành những kĩ năng bộ phận. Theo chúng tôi, ngoài những kĩ năng chung đã đề cập, người GV dạy một môn học cần phải xác định những KNDH chung và những KNDH đặc thù, chuyên biệt do đặc điểm của môn học quy định.

3.1.1.2. Phân loại kĩ năng dạy học của giáo viên môn Lịch sử

Trong dạy học lịch sử, người GV sử dụng rất nhiều kĩ năng khác nhau để đạt được mục tiêu bài học. Vì vậy, cũng có nhiều cách phân loại KNDH, dựa trên những tiêu chí khác nhau: phân loại theo đặc thù môn học, theo các hình thức tổ chức dạy học lịch sử, theo tiến trình dạy học và nhiệm vụ của GV môn Lịch sử**...** Việc lựa chọn cách phân loại KNDH phụ thuộc vào mục đích nghiên cứu. Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, chúng tôi chọn cách phân loại hệ thống KNDH cần hình thành cho SV sư phạm lịch sử theo nhiệm vụ của người GV trong dạy học. Theo chúng tôi đây là cách phân loại được sử dụng phổ biến nhất, bởi vì nó đề cập đến những vấn đề bản chất của hoạt động dạy học lịch sử. Các phân loại này tạo thuận lợi cho việc triển khai rèn luyện từng KNDH, đồng thời SV hiểu được nhiệm vụ cụ thể của GV khi thực hiện một tiết học lịch sử.

3.1.2. Hệ thống kĩ năng dạy học môn Lịch sử

3.1.2.1. Những căn cứ để xác định hệ thống kĩ năng dạy học môn Lịch sử: (1) Theo quan điểm tiếp cận hiện đại về vai trò của người GV; (2) Dựa vào "Chuẩn nghề nghiệp giáo viên THCS, trung học phổ thông" của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2009; (3) Mục tiêu đào tạo của khoa Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. (4) Nội dung chương trình giáo dục Đại học ngành sư phạm lịch sử và Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Lịch sử do trường ĐHSPHN ban hành, (5) Mục tiêu chung của dạy học Lịch sử ở trường phổ thông; (6) Đặc điểm của kiến thức Lịch sử trong chương trình trung học phổ thông.

3.1.2.2. Hệ thống kĩ năng dạy học của sinh viên ngành sư phạm Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Xuất phát từ những căn cứ đã nêu ở trên, chúng tôi phân loại hệ thống KNDH cần hình thành cho SV sư phạm Lịch sử, Trường ĐHSPHN thành ba nhóm lớn như sau:

* *Nhóm kĩ năng chuẩn bị bài học Lịch sử:* (1) Kĩ năng tìm hiểu đối tượng nhận thức**,** (2) Kĩ năng tìm hiểu môi trường giáo dục**,** (3) Kĩ năng lập kế hoạch dạy học, (4) Kĩ năng xác định mục tiêu bài học**,** (5) Kĩ năng thiết kế bài giảng lịch sử.

* *Nhóm kĩ năng thực hiện bài học Lịch sử*: (1) Kĩ năng sử dụng ngôn ngữ nói và viết; (2) Kĩ năng xây dựng môi trường học tập thân thiện, cởi mở, hợp tác; (3) Kĩ năng xây dựng và sử dụng các loại đồ dùng trực quan trong dạy học; (4) Kĩ năng sử dụng các loại phương tiện dạy học và ứng dụng CNTT vào dạy học; (5) Kĩ năng sử dụng sách giáo khoa và các loại tài liệu tham khảo trong dạy học; (6) Kĩ năng xây dựng và sử dụng hồ sơ tư liệu trong dạy học; (7) Kĩ năng tổ chức các hoạt động học tập của học sinh; (8) Kĩ năng sử dụng các phương pháp dạy học để phát triển năng lực nhận thức lịch sử cho học sinh; (9) Kĩ năng hướng dẫn học sinh tự học.

* *Nhóm kĩ năng đánh giá:* Kĩ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

3.2. Những tiêu chí đánh giá hệ thống kĩ năng dạy học của sinh viên ngành sư phạm Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

3.2.1. Các yêu cầu khi xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kĩ năng dạy học của sinh viên sư phạm Lịch sử

Trên quan điểm tiếp cận hiện đại về quá trình dạy học và quá trình ĐTGV, chúng tôi đưa ra các yêu cầu xây dựng bộ tiêu chí đánh giá KNDH cần hình thành cho SV ngành sư phạm lịch sử - Trường ĐHSP Hà Nội: Tính thực tiễn, tính hiện đại, tính toàn diện, tính thống nhất, tính khả thi, phù hợp với năng lực và trình độ của SV.

3.2.2. Hệ thống tiêu chí đánh giá kĩ năng dạy học của sinh viên sư phạm Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Xuất phát từ mục tiêu, nội dung chương trình, những yêu cầu về đổi mới phương pháp dạy học ở bậc trung học phổ thông sau năm 2015 và chuẩn đầu ra đối với sinh viên tốt nghiệp hệ cử nhân ngành sư phạm Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, chúng tôi đã phân loại, xác định những kĩ năng dạy học cơ bản, cốt lõi, cần thiết nhất của một người giáo viên môn Lịch sử; xây dựng hệ thống các tiêu chí đánh giá cụ thể mức độ hình thành các kĩ năng nói trên.

Quá trình hình thành kĩ năng dạy học cho sinh viên sư phạm Lịch sử cần phải được tiến hành theo một quy trình khoa học, từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, đảm bảo được các yêu cầu của quy trình rèn luyện. Quá trình này phải được thực hiện theo cách thức lấy người học làm trung tâm, để sinh viên phải trực tiếp, tích cực, chủ động tham gia rèn luyện các kĩ năng dưới sự tổ chức, hướng dẫn của giảng viên. Vì vậy, bảng tiêu chí đánh giá kĩ năng dạy học được chia làm ba mức độ khác nhau: (1) chưa có hoặc đang hình thành kĩ năng, (2) bước đầu có kĩ năng hoàn chỉnh, (3) sinh viên thành thạo kĩ năng.

Bảng tiêu chí đánh giá kĩ năng dạy học			
Kĩ năng	**Mức độ 1**	**Mức độ 2**	**Mức độ 3**
1.Kĩ năng tìm hiểu đối tượng HS và phát triển chương trình giáo dục trong nhà trường	- Chưa có kiến thức về đặc điểm tâm sinh lý, trình độ nhận thức của HS. - Chưa phân tích được mối quan hệ giữa chương trình và sách giáo khoa.	- Có hiểu biết về học sinh, biết nghiên cứu hồ sơ kết quả học tập của HS. - Biết phân tích và nhận xét về chương trình môn lịch sử ở phổ thông.	- Thường xuyên cập nhập thông tin về tình hình học tập, nhu cầu, động cơ, thái độ của HS. - Thiết kế được chương trình của môn học.
2.Kĩ năng tìm hiểu môi trường giáo dục	- Chưa tìm hiểu thông tin về cơ sở vật chất, trang thiết bị nhà trường địa phương nơi mình giảng dạy.	- Biết vận dụng các phương pháp tìm hiểu chính sách, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất để xây dựng kế hoạch dạy học.	- Sử dụng hiệu quả, sáng tạo trang thiết bị dạy học. - Chủ động thu thập, xử lí thông tin, sử dụng có hiệu quả

			thông tin đó vào quá trình dạy học.
3. Kĩ năng lập kế hoạch dạy học	- Chưa biết phân loại và xây dựng các loại kế hoạch dạy học. - Bước đầu thiết kế được kế hoạch năm học, học kì, bài học.	- Thiết kế được kế hoạch dạy học kết hợp chặt chẽ giữa dạy học và giáo dục, theo chuẩn kiến thức, kĩ năng, thái độ.	- Lập được kế hoạch dạy học, xác định được các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. Thực hiện linh hoạt, sáng tạo kế hoạch đó.
4. Kĩ năng xác định mục tiêu bài học	- Chưa có kiến thức về mục tiêu bài học. - Chưa biết xác định mục tiêu bài học.	- Biết xác định mục tiêu bài học theo chuẩn kiến thức, kĩ năng, thái độ môn lịch sử.	- Xác định được mục tiêu bài học theo hướng hình thành năng lực HS.
5. Kĩ năng thiết kế bài giảng lịch sử	- Chưa nắm được quy trình thiết kế bài giảng lịch sử. - Lúng túng khi lựa chọn kiến thức cơ bản	- Biết thiết kế bài giảng lịch sử . - Xác định được kiến thức cơ bản của bài.	-Thiết kế bài giảng phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS.
6. Kĩ năng sử dụng ngôn ngữ nói và viết trong dạy học	- Mắc một số lỗi khi phát âm, diễn đạt. - Viết bảng chậm, thiếu khoa học, sai tư thế.	- Phát âm chuẩn, diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu. - Viết bảng đẹp, trình bày khoa học, đúng tư thế.	-Diễn đạt giàu hình ảnh, sinh động, truyền cảm. Kết hợp nhuần nhuyễn giảng và ghi bảng, viết, vẽ kí hiệu.
7. Kĩ năng xây dựng môi trường học tập	- Chưa biết tạo không khí thân thiện, cởi mở trong lớp học. - Chưa tự tin, còn e dè, lúng túng.	- Biết tạo không khí học tập thân thiện, sôi nổi, hào hứng. - Phong cách sư phạm tự tin, chững chạc.	- Biết lôi cuốn HS tham gia các hoạt động học tập. - Ứng xử khéo léo các tình huống sư phạm.
8. Kĩ năng xây dựng và sử dụng các loại đồ dùng trực quan trong dạy học	- Chưa phân biệt được các loại đồ dùng trực quan trong dạy học. - Chưa nắm được nguyên tắc và cách sử dụng các loại đồ dùng trực quan.	- Phân biệt rõ ràng các loại đồ dùng trực quan. - Biết sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học lịch sử.	- Biết lựa chọn, sử dụng đồ dùng trực quan phù hợp với mục tiêu, nội dung bài học. - Biết hướng dẫn HS xây dựng đồ dùng trực quan đơn giản.
9. Kĩ năng sử dụng các loại phương tiện dạy học và	- Chưa biết sử dụng các phương tiện dạy học, các phần mềm tin học có thể ứng dụng	- Biết lựa chọn và sử dụng các phương tiện dạy học phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Sử dụng sáng tạo các phương tiện dạy học đúng kĩ thuật, quy trình, đạt hiệu quả cao.

ứng dụng công nghệ thông tin	trong dạy học lịch sử.	bài học. Biết một số phần mềm công cụ để dạy học lịch sử.	- Biết cải tiến và chế tạo một số phương tiện dạy học đơn giản.
10. Kĩ năng sử dụng sách giáo khoa và các loại tài liệu tham khảo	- Chưa biết khai thác kiến thức cơ bản trong sách giáo khoa. - Chưa hiểu ý nghĩa của tài liệu tham khảo trong dạy học.	- Biết khai thác, sử dụng triệt để sách giáo khoà và tài liệu tham khảo trong dạy học nhưng chưa hiệu quả.	- Sử dụng hiệu quả sách giáo khoa và tài liệu tham khảo theo hướng phát huy tính tích cực, độc lập nhận thức của HS.
11. Kĩ năng xây dựng và sử dụng hồ sơ tư liệu trong dạy học	- Không phân biệt được các loại hồ sơ tư liệu trong dạy học. - Không sử dụng hồ sơ tư liệu trong dạy học.	- Biết xây dựng, khai thác, sử dụng các thông tin trong hồ sơ tư liệu vào dạy học nhưng còn lúng túng.	-Biết sử dụng phần mềm tin học để xây dựng hồ sơ tư liệu. -Thường xuyên cập nhập, bổ sung nguồn tư liệu mới.
12.Kĩ năng sử dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học hiện đại	- Không phân biệt được các phương pháp dạy học lịch sử. - Không hiểu về các nguyên tắc lựa chọn, sử dụng phương pháp.	- Xác định được phương pháp dạy học phù hợp với mục tiêu, của bài. Biết ưu điểm và hạn chế của từng phương pháp.	- Xác định được phương pháp chủ đạo của tiết học. -Biết cải tiến, sáng tạo phương pháp để nâng cao hiệu quả bài học.
13. Kĩ năng tổ chức hoạt động dạy học lịch sử	- Chưa có hiểu biết về các hình thức tổ chức dạy học. - Chưa xác định được hoạt động dạy học phù hợp với mục tiêu, nội dung bài học.	- Biết lựa chọn và sử dụng các hình thức tổ chức dạy học để tạo động cơ học tập và sự hứng thú cho HS	- Chủ động, sáng tạo sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động học tập của HS
14.Kĩ năng hướng dẫn HS tự học	- Chỉ tập trung vào hoạt động dạy trên lớp mà không hướng dẫn HS tự học.	- Biết tổ chức, hướng dẫn HS tự học ở nhà. Định hướng nhiệm vụ học tập rõ ràng, cụ thể, hợp lí.	- Xác định được hệ thống kĩ năng tự học cần phát triển cho HS, có biện pháp cụ thể để rèn kĩ năng đó.
15.Kĩ năng kiểm tra, đánh giá hoạt động nhận thức lịch sử của HS	- Chưa phân biệt được các công cụ, loại hình kiểm tra, đánh giá - Chưa biết lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp theo phân phối chương trình.	- Biết lựa chọn hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, phù hợp với năng lực HS. - Đánh giá kết quả học tập của HS chính xác, toàn diện.	- Sử dụng thành thạo các phương pháp truyền thống và hiện đại để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS.

CHƯƠNG 4. MỘT SỐ BIỆN PHÁP HÌNH THÀNH KĨ NĂNG DẠY HỌC CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM LỊCH SỬ -TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

4.1. Quy trình hình thành kĩ năng dạy học cho sinh viên ngành sư phạm Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Trong lí luận dạy học, có rất nhiều cơ sở lý thuyết tâm lí học được áp dụng như thuyết hành vi, thuyết nhận thức, thuyết kiến tạo... đánh dấu bởi sự ra đời của nhiều phương pháp dạy học như Dạy học chương trình hoá, Dạy học nêu vấn đề, Dạy học theo nhóm, Dạy học tình huống, dạy học vi mô... Tổ chức rèn luyện kĩ năng dạy học cho sinh viên sư phạm Lịch sử, chúng tôi đã vận dụng tất cả các phương pháp nói trên để đưa ra một quy trình thiết thực nhất, phù hợp với đặc trưng của bộ môn và đảm bảo theo quy trình ĐTGV của Trường ĐHSPHN.

4.2. Một số biện pháp hình thành kĩ năng dạy học cho sinh viên sư phạm Lịch sử

4.2.1. Sử dụng phương pháp dạy học vi mô để hình thành kĩ năng dạy học cho sinh viên sư phạm Lịch sử

Đây là một phương pháp chỉ được áp dụng tại các cơ sở ĐTGV mà chưa được áp dụng tại các trường phổ thông. Khi sử dụng phương pháp này, GV dạy học dựa trên các tình huống mô phỏng lớp học bình thường, tạo điều kiện cho bài học vi mô diễn ra giống như trong lớp học thực sự ở trường phổ thông. Ngay sau khi bài học vi mô kết thúc, những nhận xét của người quan sát được đưa ra, có thể là của GV hướng dẫn thực hành hoặc SV trong nhóm rèn luyện. Môi trường rèn luyện bao gồm các yếu tố: bài học vi mô, HS, kĩ năng được rèn luyện, sinh viên tham gia vào quá trình rèn luyện sẽ được giám sát chặt chẽ. Quá trình rèn luyện sẽ được tiến hành độc lập đối với từng cá nhân. Phương pháp dạy học vi mô hướng tới việc hình thành từng kĩ năng cho từng SV, vì vậy đòi hỏi mỗi sinh viên đều phải tham gia một cách tính cực, độc lập và tự giác.

PPDH vi mô có rất nhiều ưu thế trong việc hình thành KNDH cho SV như phân tích hoạt động dạy học thành những kĩ năng riêng biệt, các mục tiêu rèn luyện được xác định rõ ràng nên giảng viên dễ dàng kiểm tra các mục tiêu đạt được. Sử dụng phương pháp dạy học vi mô tạo điều kiện cho SV trực tiếp tham gia vào quá trình rèn luyện một cách tích cực, chủ động; giúp phát triển năng lực của mỗi em trong quá trình rèn luyện kĩ năng. Pháp dạy học vi mô phát huy tác dụng trong kiểm tra – đánh giá, cung cấp công cụ đánh giá hiệu quả, hệ thống, cho phép giảng viên và những SV tham dự trong lớp học đưa ra lời nhận xét dựa trên cơ sở xác đáng.

4.2.1.3. Tổ chức hình thành kĩ năng dạy học cho SV sư phạm Lịch sử bằng phương pháp dạy học vi mô

Chúng tôi đã triển khai việc hình thành KNDH cho SV khoa Lịch sử bằng phương pháp dạy học vi mô trong các học phần: *Những vấn đề chung về lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử ở trường phổ thông*, *Hệ thống các phương*

pháp dạy học Lịch sử ở trường phổ thông, Thực hành sư phạm ở trường phổ thông, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, thực hiện đồng thời cả ở trên lớp và các buổi sinh hoạt của câu lạc bộ SV rèn luyện NVSP. Nội dung là hình thành kĩ năng sử dụng ngôn ngữ nói và đồ dùng trực quan trong dạy học lịch sử. Mỗi SV được giao nhiệm vụ soạn giáo án, chuẩn bị một bài học vi mô về một nội dung tự chọn trong chương trình lịch sử ở phổ thông, trong đó có sử dụng các phương pháp trình bày miệng như: miêu tả, tường thuật, giải thích, nêu đặc điểm, kể chuyện lịch sử. Sau bước chuẩn bị, SV thực hiện một bài giảng ngắn trong khoảng thời gian là 5 – 15 phút, theo giáo án đã được giảng viên sửa chữa, hướng dẫn trước đó. Khi SV tiến hành giảng tập, giảng viên có nhiệm vụ dùng máy quay kĩ thuật số ghi hình lại toàn bộ tiến trình. Sau khi bài giảng kết thúc, nhóm SV xem lại đoạn băng ghi hình, tiến hành thảo luận và đưa ra phản hồi trong khoảng thời gian là 5-7 phút. SV vừa tham gia giảng tập được giao nhiệm vụ về nhà sửa lại kế hoạch bài giảng và sẽ giảng tập lần thứ 2, thứ 3 vào một thời gian sau đó. Đây là một biện pháp hình thành kĩ năng rất hiệu quả.

4.2.2. Hình thành khuynh hướng nghề nghiệp, phong cách sư phạm cho sinh viên dưới sự hướng dẫn của giảng viên

Thời gian đào tạo trong nhà trường giúp trang bị kiến thức cơ bản để SV ra trường tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo xu hướng học suốt đời. Vì vậy, giảng viên phải chú trọng phát huy tính chủ động, tinh thần tự giác trong lĩnh hội tri thức, sáng tạo trong thực hành nghề của người học. SV cần ý thức hơn ai hết việc phải tích lũy tri thức lịch sử, kiến thức NVSP, tu dưỡng đạo đức, có tinh thần cầu thị, ham học hỏi, kiên trì và nghiêm khắc trong học tập. Thực tế đã khẳng định, có nắm vững kiến thức thì mới chủ động trong giảng dạy, mới có thể dạy hay, dạy giỏi, từng bước nâng lên trình độ sáng tạo và nghệ thuật. Quá trình rèn luyện của SV rất cần sự động viên, khích lệ của các giảng viên. Nhận thức được vai trò của mình, mỗi giảng viên cần cố gắng trở thành một hình mẫu đẹp, một tấm gương về sự sáng tạo, đổi mới PPDH, để SV có thể học tập NVSP ngay trên giảng đường, trong từng tiết học của các thầy cô. Trong tất cả các học phần (cả khoa học cơ bản và khoa học giáo dục), nội dung rèn luyện NVSP phải được lồng ghép ở một mức độ nhất định. Nghĩa là đội ngũ giảng viên của khoa phải giỏi cả kiến thức chuyên môn cũng như kiến thức NVSP. Chính nhân cách của người thầy, phương pháp truyền đạt kiến thức sinh động, dễ hiểu, khả năng nắm bắt tâm lý người học, xử lý linh hoạt các tình huống sư phạm...sẽ động viên, khuyến khích SV tích cực rèn luyện tay nghề. PPDH, lòng yêu nghề, tận tâm với SV của của giảng viên có tác dụng hình thành KN nghề nghiệp cho các em bằng con đường nhanh nhất, hiệu quả nhất.

4.2.3. Tích cực hướng dẫn SV thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên

Trong các giờ học về lí luận và PPDH, giảng viên bộ môn PPDH khoa Lịch sử trực tiếp thực hành mẫu các KNDH trong, hướng dẫn hoạt động rèn

luyện của SV trong tuần lễ NVSP của Trường ĐHSPHN vào tháng 11 hàng năm, đưa SV xuống trường phổ thông thực hành Nguyễn Tất Thành, hướng dẫn SV soạn giáo án, chấm giáo án, bài thu hoạch dự giờ chuyên môn và giáo dục của SV, khuyến khích SV thực hiện các ý tưởng mới trong dạy học. Từ những phản hồi của SV, giảng viên nhanh chóng điều chỉnh nội dung và PPDH cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn. Các hoạt động thực hành của SV dưới sự hướng dẫn của giảng viên gồm: Thực hành tại phòng rèn luyện NVSP bộ môn; Kết hợp "học với hành", "lí luận gắn liền với thực tiễn" trong giảng dạy các học phần về lí luận và PPDH.

4.2.4. Xây dựng đội ngũ giáo viên chuyên thực hành mẫu các kĩ năng NVSP ở trường phổ thông

Giữa lý thuyết và thực hành là khoảng cách khá lớn. Quá trình hình thành KNDH cho SV không chỉ dừng ở việc cung cấp lý thuyết về phương pháp, khoa học nghiệp vụ mà phải thể hiện lý thuyết đó trong bài giảng, phong cách và thao tác cụ thể của giảng viên trên bục giảng. Đó mới là đổi mới trực diện và sống động. Trường sư phạm là trường dạy nghề, nhưng lại thiếu lực lượng GV dạy nghề. Trên thực tế, một số giảng viên bộ môn PPDH mặc dù rất giỏi về lý thuyết phương pháp – nhưng khả năng làm mẫu cho SV còn hạn chế. Điều này cũng là bình thường, vì việc thực hành thao tác nghề có những đòi hỏi riêng về tố chất mà không phải ai cũng có ưu thế về mặt đó. Vì vậy, phải hình thành được đội ngũ những GV làm mẫu chuyên nghiệp từ lực lượng GV dạy giỏi ở các trường phổ thông. Họ vừa giảng dạy môn LS ở trường PT, vừa có thể tham gia vào quá trình đào tạo ở trường sư phạm: từ hướng dẫn SV thực hành dạy học và giáo dục, minh họa những lí thuyết về PPDH, phân tích kế hoạch một bài học trên lớp, thực hành mẫu cho SV về các KNDH cần thiết của người GV Lịch sử. Bài giảng mẫu của GV phổ thông sẽ là chiếc cầu nối rút ngắn khoảng cách giữa lý luận và thực hành, biến sự đổi mới từ lý thuyết, ý tưởng thành những sản phẩm hiện hữu, đích thực với hệ thống các thao tác sư phạm cụ thể.

4.2.5. Tăng cường hướng dẫn SV tự rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ sư phạm trong quá trình đào tạo.

Qua khảo sát các đợt thực tập sư phạm của SV khoa Lịch sử hàng năm, chúng tôi nhận thấy: SV có kiến thức tương đối vững chắc về các môn khoa học cơ bản và phương pháp giảng dạy bộ môn, song kĩ năng sư phạm còn nhiều hạn chế. Một trong những nguyên nhân của tình trạng trên là do các em ít có điều kiện thực hành. Tổ chức các hoạt động rèn luyện NVSP thường xuyên sẽ bồi dưỡng cho SV những phẩm chất, năng lực cơ bản của người GV, đặc biệt là những kỹ năng, kĩ thuật dạy học để họ có thể chủ động và độc lập đảm nhiệm được việc tổ chức dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông. Do đó, Khoa Lịch sử cần thường xuyên tổ chức các hoạt động thực hành nghiệp vụ cho SV trong quá trình đào tạo, với các hình thức rèn luyện phong phú để thu hút sinh viên nhiệt tình tham gia, chủ động tự rèn luyện và nâng cao năng lực nghề nghiệp của bản thân.

Nhằm hình thành những KNDH cụ thể cho SV, tổ bộ môn Lí luận và phương pháp dạy học của khoa Lịch sử đã xác định rõ hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cụ thể cho các học kỳ, các năm học phù hợp với trình độ nhận thức, nội dung học tập của các em, đảm bảo logic của quá trình rèn luyện từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp. Các hoạt động rèn luyện và tự rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ cũng rất đa dạng như: Thành lập Câu lạc bộ SV rèn luyện NVSP; Tổ chức Hội thi NVSP các cấp; Rèn luyện KNDH tại trung tâm nghiên cứu và phát triển NVSP; Thực hành NVSP thường xuyên tại Trường Trung học cơ sở & Trung học phổ thông Nguyễn Tất Thành.

4.3. Thực nghiệm sư phạm

Quá trình thực nghiệm nhằm mục đích chứng minh tính khả thi, hiệu quả của các biện pháp hình thành KNDH cho SV sư phạm Lịch sử, góp phần nâng cao chất lượng ĐTGV tại Khoa Lịch sử– Trường ĐHSPHN. Để quá trình thực nghiệm sư phạm đạt mục đích đã đề ra ở trên, quá trình thực nghiệm phải thực hiện những nhiệm vụ sau: Xác định đối tượng thực nghiệm; Lựa chọn nội dung thực nghiệm; Xây dựng kế hoạch thực nghiệm; Tổ chức hình thành KNDH cho đối tượng thực nghiệm; Tập hợp các tài liệu thực nghiệm và tiến hành phân tích các kết quả thu được; Đưa ra kết luận và kiến nghị về nội dung nghiên cứu dựa trên những phát hiện của đề tài. Đối tượng thực nghiệm được lựa chọn là 41 sinh viên K63, K64...

Chúng tôi sử dụng phương pháp dạy học vi mô để thực nghiệm một số KNDH đơn lẻ và KNDH tổng hợp của SV. Cùng một đối tượng sinh viên, các em làm các bài tập thực hành, soạn giáo án và hiện bài giảng lịch sử có trong chương trình phổ thông (thời gian 10-20 phút với kĩ năng đơn lẻ, 45 phút với kĩ năng tổng hợp) trong đó thể hiện đầy đủ những KNDH đã được rèn luyện. Nghĩa là cùng một đề bài, SV sẽ thực hiện 2 lần, một lần trước khi được rèn luyện kĩ năng, và một lẫn sau khi đã hoàn thành quá trình rèn luyện. Kết quả được kiểm chứng qua các bảng đánh giá chi tiết từng chỉ báo, tiêu chí cụ thể của kĩ năng. Tác giả luận án trực tiếp lên kế hoạch thực nghiệm, tổ chức quá trình thực nghiệm cùng một số giảng viên bộ môn phương pháp dạy học. Những giá trị thống kê thu được từ quá trình thực nghiệm và quan sát trực tiếp xác nhận các tiến bộ hay khó khăn, vướng mắc sinh viên gặp phải trong quá trình hình thành kĩ năng. Điều này đã chứng minh được tính hiệu quả, khả thi của các biện pháp mà tác giả đề xuất trong luận án.

KẾT LUẬN

Năng lực nghề nghiệp là tổ hợp của nhiều yếu tố, trong đó KN nghề có vị trí đặc biệt quan trọng, là nhân tố trực tiếp, quyết định nhất tới chất lượng và hiệu quả của hoạt động nghề. Vì vậy, khi đào tạo nghề, bên cạnh đào tạo lí thuyết, phải đặc biệt quan tâm đến đào tạo KN nghề. Người ta nói "thầy giáo già, con hát trẻ"- có nghĩa là GV phải kiên trì, nỗ lực rèn luyện lâu dài qua nhiều năm tháng ngồi trên ghế nhà trường và những năm tháng tận tụy với nghề dạy học. Vì vậy, các hoạt động hình thành KNDH cho SV ngành sư phạm LS phải được định hướng ngay từ khi các em mới bước chân vào trường ĐHSPHN. Nghề GV, cũng như nhiều ngành nghề khác, quá trình tự đào tạo - đào tạo suốt đời đóng vai trò rất quan trọng, quyết định chất lượng của GDPT. R. Roysingth – chuyên gia giáo dục của UNESCO từng khẳng định: *Chất lượng của một nền giáo dục không vượt quá tầm chất lượng những GV làm việc cho nó*. Bởi vậy, việc hình thành KNDH cho SV – những GV tương lai là khâu đột phá để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

Yêu cầu đổi mới giáo dục Việt Nam hiện nay là hướng vào phát triển năng lực người học. Yêu cầu ấy chỉ có thể được thực hiện bởi một đội ngũ GV có năng lực và trình độ chuyên môn cao, NVSP vững vàng. Vì vậy, việc ĐTGV nói chung và của khoa Lịch sử - Trường ĐHPSHN nói riêng cần có những thay đổi mang tính đột phá để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và đánh giá đúng thực tiễn ĐTGV ở khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN, thực trạng dạy và học lịch sử ở trường phổ thông hiện nay, luận án xác định hệ thống KNDH cơ bản, cốt lõi cần hình thành cho GV môn Lịch sử, đưa ra bộ tiêu chí đánh giá mức độ hình thành từng kĩ năng, đề xuất các biện pháp sư phạm cụ thể nhằm hình thành những kĩ năng đó cho SV sư phạm lịch sử trong quá trình đào tạo.

Những biện pháp giúp hình thành KNDH cho SV sư phạm lịch sử mà luận án đề xuất là: Sử dụng phương pháp dạy học vi mô; hình thành khuynh hướng nghề nghiệp, phong cách sư phạm cho SV dưới sự hướng dẫn của giảng viên; tích cực hướng dẫn sinh viên thực hành NVSP thường xuyên; xây dựng đội ngũ GV chuyên thực hành mẫu các KNDH ở các trường phổ thông; tăng cường hướng dẫn SV tự rèn luyện kĩ năng NVSP trong quá trình đào tạo. Tác giả luận án đã chứng minh được tính hiệu quả của các biện pháp nói trên thông qua thực nghiệm sư phạm. Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ được ứng dụng trực tiếp vào quá trình đào tạo SV ngành sư phạm Lịch sử - Trường ĐHSPHN, trở thành tài liệu tham khảo, bồi dưỡng NVSP cho SV và giảng viên ở các trường Đại học sư phạm nói chung, qua đó góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn lịch sử hiện nay ở trường phổ thông.

Để quá trình rèn luyện KNDH cho SV sư phạm Lịch sử đạt hiệu quả cao, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị sau:

- Chương trình ĐTGV của Trường ĐHSPHN cần chú ý cả tầm nhìn trước mắt và lâu dài, đảm bảo tính cân đối, tỉ lệ hợp lí giữa kiến thức chuyên môn và kiến thức NVSP, giữa lí thuyết và thực hành. Nội dung các học phần về NVSP cần trải đều trong QTĐT để đảm bảo tính hệ thống, phát triển trong quá trình rèn luyện. Cần tích hợp, lồng ghép nội dung hình thành KNDH vào các môn khoa học chuyên ngành giúp SV vừa có KN sư phạm vững vàng, vừa có kiến thức cơ bản chắc chắn.

- Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên - nhân tố quyết định đến chất lượng giáo dục. Mỗi giảng viên phải tích cực cập nhật các PPDH tiên tiến, là tấm gương mẫu mực giúp SV có ý thức tự giác, tích cực, chủ động tham gia các hoạt động rèn luyện NVSP do Trường, Khoa tổ chức. Trường ĐHSPHN cần có chính sách động viên giảng viên nhiệt tình tham gia công tác rèn luyện KN nghề nghiệp cho SV, giúp các em có được tình cảm yêu nghề, gắn bó với nghề.

- Sớm đầu tư và hoàn chỉnh hệ thống cơ sở vật chất chuyên dụng cho đào tạo KNDH. Trường ĐHSPHN phải có phòng thực hành NVSP với trang thiết bị, phương tiện hiện đại để SV có không gian và phương tiện tự rèn luyện trong môi trường thực hành nghề mang tính hệ thống, chuẩn mực nhất định.

- Xây dựng đội ngũ GV thực hành giỏi ở các trường PT: lựa chọn GV có kinh nghiệm giảng dạy, nhiệt tình, tâm huyết với nghề dạy học, đủ năng lực chuyên môn và nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức tốt để hướng dẫn SV thực hành, thực hiện bài giảng mẫu cho SV ở giảng đường Đại học... góp phần tạo nên sự gắn kết chặt chẽ giữa Trường ĐHSP với trường PT.

- Đổi mới công tác tuyển sinh và đánh giá tốt nghiệp theo đặc thù của nghề dạy học: Cần có thêm vòng phỏng vấn (hoặc kiểm tra trắc nghiệm) một số KN cơ bản cần thiết của nghề dạy học (như: nói, viết, giao tiếp, hiểu biết về nghề GV, kiến thức về khoa học xã hội – nhân văn…). Tất cả SV trước khi tốt nghiệp cần thực hiện một bài giảng chuyên môn thể hiện tổng hợp các KNDH đã được rèn luyện trong quá trình đào tạo.

Có thể nói: lòng yêu nghề là phẩm chất tạo động lực quyết định đến sự cố gắng, phấn đấu của SV trong quá trình rèn luyện KN nghề nghiệp. Bộ Giáo dục phải xây dựng chiến lược cải cách ngành sư phạm, trong đó đào tạo và sử dụng GV phải có một vị trí quan trọng. Có biện pháp để quy tụ và thu hút những SV giỏi đến với khoa Lịch sử, tạo điều kiện cho SV khi ra trường tìm được công việc phù hợp với trình độ chuyên môn. Điều đó góp phần quan trọng quyết định đến việc nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ GV tương lai của nước nhà.